

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 52

H: 11

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Nguyễn T.T. Hòa

Phương Anh Hòa

Nguyễn T.T. Hòa

C. Linh

Phương Anh Hòa

Môn học: Anh văn 3 (22401608)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 13

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122120311	Lê Quý An	23/09/2004	CCQ2212J			6,6	3,0	4,4	
2	2122170531	Nguyễn Lê Tuấn Anh	30/07/2004	CCQ2217N			7,5	6,7	7,0	
3	2122120138	Trịnh Công Cường	29/04/2001	CCQ2212D			7,0	2,2	4,1	
4	2122110465	Lưu Từ Cầm Pam Giu Đe	27/04/2004	CCQ2211L			6,0	7,7	7,0	
5	2121200055	Nguyễn Chí Điền	18/05/2003	CCQ2120B			5,7	2,0	3,5	
6	2122220003	Hồ Ngọc Dũng	08/02/2004	CCQ2211K			7,8	9,1	8,6	
7	2122030092	Vũ Khắc Duy	14/11/2004	CCQ2203C			6,2	5,6	5,8	
8	2122120334	Nguyễn Khắc Hải	22/05/2004	CCQ2212J			7,4	6,8	7,0	
9	2122120075	Lê Thị Minh Hòa	05/02/2004	CCQ2212C			3,5			
10	2122110513	Nguyễn Tuấn Hưng	04/04/2004	CCQ2211L			0,4			
11	2121170452	Phạm Minh Hương	23/01/2003	CCQ2117M			5,2	3,0	3,9	
12	2121170458	Son Quốc Khánh	03/09/2002	CCQ2117N			5,0	3,0	3,8	
13	2122030085	Trần Tuấn Kiệt	06/06/2004	CCQ2203C			6,7	6,1	6,3	
14	2122120312	Nguyễn Đặng Xuân Lan	22/10/2004	CCQ2212J			8,8	7,3	7,9	
15	2122030260	Nguyễn Thái Thành Lâm	31/07/2001	CCQ2203D			0,0			
16	2122200233	Trần Lê Thị Kim Liên	01/06/2003	CCQ2220G			6,9	8,7	8,0	
17	2122030055	Nguyễn Văn Lợi	06/01/2003	CCQ2203B			0,0			
18	2122220028	Trần Huỳnh Mạnh	19/08/2004	CCQ2205D			6,7	7,2	7,0	
19	2121170423	Nguyễn Thanh Minh	31/08/2003	CCQ2117M			0,1			
20	2121180049	Hà Thanh Nam	10/11/2003	CCQ2118B			6,8	1,0	3,3	
21	2121150049	Trần Danh Nhân	27/02/2003	CCQ2115B			6,4	5,9	6,1	
22	2122140053	Trần Nhật	13/01/2004	CCQ2214B			6,1	5,0	5,4	
23	2122120568	Đào Trúc Như	03/05/2004	CCQ2212P			7,0	7,5	7,3	
24	2122120273	Nguyễn Vương Quỳnh Như	20/09/2004	CCQ2212I			0,1			
25	2122120353	Đoàn Thị Hàn Ni	19/01/2004	CCQ2212K			7,9	4,3	5,7	
26	2121180057	Nguyễn Ngô Nhật Phi	24/10/2003	CCQ2118B			6,9	4,2	5,3	
27	2122270004	Đàm Thị Trúc Phương	16/10/2004	CCQ2227A			5,9	3,0	4,2	
28	2122100014	Nguyễn Trần Bảo Phương	22/09/2003	CCQ2210A			9,5	9,2	9,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

101

C.Linh

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401608)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 43

Số bài thi: 13

Số tờ giấy thi: 13

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122270036	Võ Thị Kim	Qui	17/12/2004	CCQ2227B		7,2	2,5	4,4	
30	2122170556	Nguyễn Hoàng	Sang	16/09/2004	CCQ2217N		6,1	5,0	5,4	
31	2121170431	Phạm Văn	Sáng	14/11/2002	CCQ2117M		5,9	6,7	6,4	
32	2122120325	Trần Đức	Son	20/04/2004	CCQ2212J		6,3	3,4	4,6	
33	2122030040	Trần Đức	Thắng	12/01/2004	CCQ2203B		0,0			
34	2121180052	Đặng Văn	Thiên	11/06/2002	CCQ2118B		6,6	4,2	5,2	
35	2122100070	Nguyễn Thị Bích	Thuận	02/09/2004	CCQ2210B		9,1	6,9	7,8	
36	2122100221	Phạm Thị Hoài	Thương	14/10/2004	CCQ2210G		6,0	6,0	6,0	
37	2122100016	Lâm Huỳnh	Thuy	07/08/2003	CCQ2210A		9,1	8,5	8,7	
38	2122100236	Nguyễn Thị Cẩm	Thy	08/12/2004	CCQ2210G		6,8	5,5	6,0	
39	2122120581	Lê Thị Thùy	Trang	14/12/2002	CCQ2212P		6,8	4,4	5,4	
40	2122100183	Phạm Ngọc	Trang	19/04/2004	CCQ2210F		8,8	5,7	6,9	
41	2122120281	Phạm Thùy	Trang	10/10/2004	CCQ2212I		7,7	1,0	3,7	
42	2121150050	Nguyễn Trung	Trí	31/12/2003	CCQ2115B		7,0	7,4	7,2	
43	2122120319	Trần Thị Mỹ	Trình	29/04/2004	CCQ2212J		9,3	9,1	9,2	
44	2120190144	Ngô Minh	Tuấn	07/02/2001	CCQ2019D		6,9	5,6	6,1	
45	2122170542	Hoàng Đình	Việt	06/01/2004	CCQ2217N		7,4	7,7	7,6	
46	2122260125	Lê Anh	Vũ	03/10/2004	CCQ2226B		7,1	6,5	6,7	
47	2121170368	Võ Quốc	Vương	06/11/2003	CCQ2117K		6,1	5,0	5,4	
48	2122120277	Trần Thị Thảo	Vy	30/08/2004	CCQ2212I		7,9	8,9	8,5	
49	2122100013	Đặng Thị Hồng	Xuyến	08/09/2004	CCQ2210A		9,2	6,0	7,3	
50	2122210125	Nguyễn Thị Kim	Yến	29/05/2004	CCQ2221F		7,2	0,5	3,2	

102

Đ. 45
H. 02

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Mr. Ponce

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures and names of examiners)

Môn học: Anh văn 3 (22401604)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121210013	Nguyễn Thiên Ân	26/06/2003	CCQ2121D		<i>(Signature)</i>	9,2	8,1	8,5	
2	2121120450	Nguyễn Võ Gia Bảo	03/10/2003	CCQ2112M		<i>(Signature)</i>	9,6	9,3	9,4	
3	2122100398	Nguyễn Thị Thúy Chi	22/07/2004	CCQ2210K		<i>(Signature)</i>	9,1	7,5	8,1	
4	2122110107	Tạ Văn Chiến	14/08/2004	CCQ2211C		<i>(Signature)</i>	9,0	7,4	8,0	
5	2122100058	Nguyễn Thị Kim Đài	15/07/2004	CCQ2210B		<i>(Signature)</i>	9,1	7,5	8,1	
6	2121120615	Nguyễn Phước Đại	21/08/2003	CCQ2112R		<i>(Signature)</i>	8,9	7,9	7,9	
7	2121110239	Trần Ngọc Cao Đăng	17/01/2002	CCQ2111G			0,0			
8	2121180046	Nguyễn Hoàn Diệu	10/07/2003	CCQ2118B		<i>(Signature)</i>	8,7	6,2	7,2	
9	2121110398	Nguyễn Phú Dinh	15/05/2000	CCQ2111D		<i>(Signature)</i>	8,8	3,6	5,7	
10	2122030141	Hồ Thành Đô	15/09/2004	CCQ2203E			0,0			
11	2121170201	Bùi Vũ Duy	07/06/2003	CCQ2112R		<i>(Signature)</i>	8,7	5,8	7,0	
12	2122120301	Lê Thị Thu Giang	28/05/2004	CCQ2212I		<i>(Signature)</i>	8,4	4,8	6,2	
13	2121110361	Trần Đỗ Trường Giang	12/06/2003	CCQ2111A			0,0			
14	2122120264	Võ Thị Thu Giang	19/07/2004	CCQ2212H		<i>(Signature)</i>	8,5	5,8	6,9	
15	2122120496	Giang Hồng Hà	16/11/2004	CCQ2212G		<i>(Signature)</i>	9,0	7,7	8,2	
16	2121110275	Huỳnh Ngọc Hà	24/05/2003	CCQ2111H		<i>(Signature)</i>	9,3	7,0	7,9	
17	2122170722	Trần Huỳnh Hiệp	18/01/2004	CCQ2217R		<i>(Signature)</i>	8,4	4,1	5,8	
18	2121170235	Trần Lê Khánh Hiệp	21/07/2003	CCQ2117G		<i>(Signature)</i>	8,5	3,4	5,4	
19	2121110270	Đoàn Trần Trung Hiếu	05/02/2003	CCQ2111H		<i>(Signature)</i>	9,4	7,8	8,4	
20	2122140064	Nguyễn Huy Hoàng	23/02/2001	CCQ2205D		<i>(Signature)</i>	9,0	3,4	5,6	
21	2121210117	Trần Trung Hoàng	28/04/2002	CCQ2121D		<i>(Signature)</i>	9,0	7,8	8,3	
22	2121170226	Trần Văn Hợp	16/07/2003	CCQ2117G		<i>(Signature)</i>	8,0	4,9	6,1	
23	2121170013	Dương Minh Hùng	30/11/2003	CCQ2117A		<i>(Signature)</i>	8,7	6,3	7,3	
24	2121170179	Lê Nhật Hưng	08/02/2003	CCQ2117F		<i>(Signature)</i>	8,0	7,3	7,6	
25	2122040005	Lê Anh Huy	13/07/2004	CCQ2204A		<i>(Signature)</i>	8,4	5,4	6,6	
26	2121170181	Huỳnh Duy Khanh	17/11/2003	CCQ2117F		<i>(Signature)</i>	8,0	5,3	6,4	
27	2121210006	Châu Thị Thu Kiều	06/09/2003	CCQ2121D		<i>(Signature)</i>	8,7	6,0	7,1	
28	2121120343	Phạm Thị Bích Liễu	07/09/2003	CCQ2112J		<i>(Signature)</i>	8,5	4,7	6,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Mr. Ponce

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401604)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2121110269	Nguyễn Thị Trúc Ly	30/03/2003	CCQ2111H		ly	9,4	7,6	8,3	
30	2121110246	Trần Văn Lý	20/01/2003	CCQ2111H		có thể	8,5	2,4	4,8	
31	2121170596	Nguyễn Công Minh	08/07/2003	CCQ2117R			0,0			
32	2122100404	Trần Thị Trúc Ngân	18/03/2004	CCQ2210K		Ngân	8,6	7,5	7,9	
33	2122210127	Trương Thị Kim Ngọc	17/11/2004	CCQ2221D		Ngọc	9,0	7,5	8,1	
34	2121180039	Nguyễn Công Nguyên	04/03/2003	CCQ2118B		ry	8,7	3,0	5,3	
35	2121170056	Nguyễn Trọng Nguyên	30/04/2003	CCQ2117B			6,4			
36	2122100411	Trần Thị Thu Nguyệt	24/03/2004	CCQ2210K		Nguyệt	8,2	2,9	5,0	
37	2122120112	Phan Ngọc Thành Nhân	25/03/2004	CCQ2212D		nhân	8,7	3,6	5,6	
38	2121110371	Lê Tuấn Minh Nhật	19/11/2003	CCQ2111H		có thể	8,5	2,9	5,1	
39	2122030157	Nguyễn Quang Nhật	07/10/2004	CCQ2203E			9,4			
40	2121210054	Hà Thị Quỳnh Nhi	14/03/2003	CCQ2121D			9,2	7,1	7,9	
41	2121110253	Trần Thị Yến Nhi	11/08/2003	CCQ2111H		Yên	9,2	4,1	6,1	
42	2121110081	Ngô Hoàng An Ninh	28/12/2003	CCQ2111C			8,0			
43	2122210123	Lê Thị Phương	16/01/2004	CCQ2221D		phương	9,0	6,8	7,7	
44	2121110380	Nguyễn Hoàng Anh Quân	21/11/2003	CCQ2111D		quân	8,4	8,0	8,2	
45	2121110132	Phạm Việt Quang	18/09/2003	CCQ2111D		Quang	8,2	3,5	5,4	
46	2121190115	Kiều Nữ Diễm Quỳnh	14/08/2003	CCQ2119D						
47	2120170300	Nguyễn Thanh Sang	23/05/2002	CCQ2017I			0,0			
48	2120050058	Vũ Đức Tài	15/10/2001	CCQ2005B		Tài	9,0	3,1	5,5	
49	2122100057	Trần Thị Anh Thư	11/02/2004	CCQ2210B		Thư	9,0	3,7	5,8	
50	2122100392	Tô Ngọc Anh Thy	10/10/2003	CCQ2210K		Thy	8,0	3,8	5,5	
51	2122100044	Huỳnh Thị Huyền Trang	07/11/2004	CCQ2210B		Quang	9,3	7,5	8,2	
52	2121110122	Lê Anh Trúc	12/10/2003	CCQ2111D		Trúc	8,6	3,4	5,5	
53	2121120150	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	01/01/2003	CCQ2112E		Ngọc	8,5	3,5	5,5	
54	2122120442	Phạm Thị Xuân Tuyền	28/05/2004	CCQ2212H		Tuyền	9,2	7,7	8,3	
55	2122120261	Trần Thị Mỹ Uyên	24/05/2004	CCQ2212H		Uyên	8,6	3,6	5,6	
56	2122100040	Nguyễn Thị Bình Yên	18/12/2004	CCQ2210B		Yên	9,0	3,8	5,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Minh Tuấn* Cán bộ coi thi 2: *Trần Phú Thọ* G.Viên chấm thi 1: *Nguyễn Minh Tuấn* G.Viên chấm thi 2: *Trần Phú Thọ*

Môn học: Anh văn 3 (22401612)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122100123	Nguyễn Ngọc Anh	19/09/2004	CCQ2210D		<i>SA</i>	8,6	7,9	8,2	
2	2122190048	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	20/02/2004	CCQ2219B		<i>OK</i>	8,5	7,9	8,1	
3	2122190047	Nguyễn Hoàng Khánh Châu	20/02/2004	CCQ2219B		<i>SA</i>	8,5	7,9	8,1	
4	2122110054	Nguyễn Minh Đạt	10/05/2004	CCQ2211B		<i>Cr thi</i>	9,0	8,2	8,5	
5	2121170147	Phạm Tuấn Đạt	01/11/2003	CCQ2117E		<i>SA</i>	5,0	2,8	3,7	
6	2121170354	Thái Quốc Đạt	08/06/2003	CCQ2117K			0,0			
7	2122170248	Lâm Quang Diên	20/12/2004	CCQ2217G		<i>Đạt</i>	6,9	6,9	6,9	
8	2122150046	Nguyễn Văn Định	10/11/2004	CCQ2215C		<i>Định</i>	5,6	5,0	5,2	
9	2121170346	Nguyễn Duyên	10/10/2003	CCQ2117J			6,7			
10	2122100128	Trần Thị Thúy Hằng	21/09/2004	CCQ2210D		<i>Hau</i>	9,2	7,9	8,4	
11	2121170363	Nguyễn Trung Hậu	14/11/2003	CCQ2117K		<i>Hau</i>	5,0	1,4	2,8	
12	2122270015	Nguyễn Thị Thu Hồng	07/05/2004	CCQ2227A		<i>Thu</i>	8,1	7,3	7,6	
13	2121170389	Lê Quốc Huy	05/07/2003	CCQ2117L		<i>Huy</i>	7,7	6,5	7,0	
14	2122270109	Nguyễn Ngọc Quang Huy	20/09/2004	CCQ2227D			0,0			
15	2122110062	Nguyễn Phan Huy	16/09/2004	CCQ2211B		<i>Cr thi</i>	9,0	8,0	8,4	
16	2122120039	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/02/2004	CCQ2212B		<i>Page</i>	9,5	8,8	9,1	
17	2121130033	Đạo Thị Kim Hy	24/11/2003	CCQ2113B		<i>Hy</i>	6,9	7,2	7,1	
18	2122270118	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/04/2004	CCQ2227D		<i>Kiet</i>	7,0	7,5	7,3	
19	2121170124	Nguyễn Hoài Linh	26/03/2002	CCQ2117D		<i>Linh</i>	6,8	5,2	5,8	
20	2122270068	Đinh Thị Tú Mỹ	16/08/2004	CCQ2227C		<i>Mỹ</i>	6,9	6,0	6,4	
21	2122110199	Nguyễn Thanh Mỹ	05/06/2004	CCQ2227D		<i>Mỹ</i>	6,3	5,8	6,0	
22	2122120034	Chăm Lý Na	18/11/2003	CCQ2212A		<i>Na</i>	9,5	8,8	9,1	
23	2122100071	Nguyễn Khánh Ngân	04/09/2004	CCQ2210B		<i>Ngân</i>	8,0	6,4	7,0	
24	2122210002	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	14/07/2004	CCQ2221A		<i>Ngân</i>	8,7	8,0	8,3	
25	2122190043	Võ Thị Kim Ngọc	13/07/2002	CCQ2219B		<i>Ngoc</i>	9,5	8,9	9,1	
26	2122100209	Lư Huỳnh Trúc Nhã	27/02/2004	CCQ2210F		<i>Nhã</i>	9,1	8,3	8,6	
27	2122200053	Đặng Nguyễn Xuân Nhi	05/02/2004	CCQ2220B		<i>Nhi</i>	9,0	8,6	8,8	
28	2122100401	Phan Thị Yến Nhi	25/01/2004	CCQ2210K		<i>Nhi</i>	7,3	5,0	5,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

(103)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401612)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 46

Số bài thi: 46

Số tờ giấy thi: 46

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122100078	Lê Thị Quỳnh	Như	31/03/2004	CCQ2210C	Như	8,3	5,4	6,6	
30	2122210003	Võ Thị Quỳnh	Như	25/05/2004	CCQ2221E	Như	8,6	7,2	7,8	
31	2122100179	Hoàng Thị Kim	Oanh	16/08/2004	CCQ2210F	Oanh	7,5	3,5	5,1	
32	2122100208	Nguyễn Thị	Oanh	04/09/2004	CCQ2210F	Oanh	9,4	8,1	8,6	
33	2121170399	Nguyễn Anh	Phúc	21/10/2002	CCQ2117L	Phúc	6,8	5,5	6,0	
34	2122170640	Phạm Nguyễn Hoàng	Phúc	10/12/2024	CCQ2217P	Ph	9,1	9,4	9,3	
35	2122170603	Nguyễn Hoàng	Quân	23/06/2004	CCQ2217O	Quân	8,3	9,1	8,8	
36	2122270062	Nguyễn Trọng	Quân	10/06/2004	CCQ2227B	Quân	6,3	8,4	7,6	
37	2121170654	Đào Minh	Quang	31/05/2003	CCQ2117E	Quang	6,3	5,2	5,6	
38	2122200126	Hoàng Phùng Thị	Thảo	15/03/2004	CCQ2220D	Thảo	8,2	6,4	7,1	
39	2122200138	Võ Thị Thu	Thảo	14/09/2004	CCQ2220D	Th	9,0	7,3	8,0	
40	2122100175	Âu Vũ Như	Thùy	22/10/2004	CCQ2210E	Thùy	8,7	6,9	7,6	
41	2122100195	Phạm Thị Ngọc	Trâm	13/03/2004	CCQ2210F	Ph	7,5	7,4	7,4	
42	2122210037	Trần Thị Thu	Trâm	25/03/2004	CCQ2221E	Tr	9,5	8,5	8,9	
43	2122100214	Trần Thị Thùy	Trang	28/04/2004	CCQ2220A	Tr	7,0	7,2	7,1	
44	2122200191	Trịnh Hồng	Trang	13/08/2004	CCQ2220A	Tr	8,5	8,0	8,2	
45	2122050066	Hồ Mạnh	Trình	27/03/2004	CCQ2205B	Tr	6,8	6,8	6,8	
46	2121170407	Trần Đặng	Trưởng	03/12/2003	CCQ2117L	Tr	7,8	6,5	7,0	
47	2121170384	Trịnh Hoài	Tú	04/10/2003	CCQ2117K		4,1			
48	2122060011	Nguyễn Thanh	Tuấn	02/08/2004	CCQ2206A	Tuấn	7,9	7,7	7,8	
49	2122210043	Thái Thị Hồng	Vân	07/10/2004	CCQ2221E	Th	7,7	8,1	7,9	
50	2122100192	Võ Như	Ý	01/08/2004	CCQ2210F	V	9,1	7,5	8,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Văn Tuấn* Cán bộ coi thi 2: *Nguyễn Văn Tuấn* G.Viên chấm thi 1: *C. Lê Thảo* G.Viên chấm thi 2: *Nguyễn Hà Thanh Vân*

Môn học: Anh văn 3 (22401620)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: *48*

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122170004	Đặng Trần Quốc Bảo	17/08/2002	CCQ2217A		<i>Bao</i>	5,2	<i>2</i>	<i>2,1</i>	
2	2121180056	Cao Nhất Danh	28/06/2003	CCQ2118B		<i>Danh</i>	6,7	<i>1,1</i>	<i>3,3</i>	
3	2122100382	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	22/07/2004	CCQ2210G		<i>Nguyen Thi Ngoc Diem</i>	6,7	<i>7,5</i>	<i>7,2</i>	
4	2122210075	Phạm Ngọc Diệp	18/09/2004	CCQ2221B		<i>Pham Ngoc Diem</i>	6,9	<i>6,9</i>	<i>6,9</i>	
5	2122100274	Nguyễn Trần Phương Dung	03/06/2004	CCQ2210H		<i>LP</i>	7,9	<i>8,5</i>	<i>8,3</i>	
6	2122170016	Nguyễn Đức Duy	13/05/2004	CCQ2217A		<i>Duy</i>	5,9	<i>1,5</i>	<i>3,3</i>	
7	2122100022	Võ Thị Mỹ Duyên	21/12/2004	CCQ2210A		<i>chuyen</i>	8,5	<i>7,6</i>	<i>8,0</i>	
8	2122100067	Huỳnh Giao	13/02/2004	CCQ2210B		<i>Giao</i>	8,1	<i>7,1</i>	<i>7,5</i>	
9	2122200234	Dương Thị Hạnh	22/05/2004	CCQ2220G		<i>Hanh</i>	5,7	<i>4,5</i>	<i>5,0</i>	
10	2122190017	Lục Thị Hoa	13/05/2004	CCQ2219A		<i>Ho</i>	6,5	<i>5,1</i>	<i>5,7</i>	
11	2122170010	Trần Nhật Hoàng	16/12/2004	CCQ2217A			0,0			
12	2122030015	Lê Văn Khánh	02/01/2003	CCQ2203A		<i>Linh</i>	7,9	<i>4,3</i>	<i>5,7</i>	
13	2122200206	Phan Thị Thuý Kiều	04/04/2004	CCQ2220E		<i>Kieu</i>	7,5	<i>7,1</i>	<i>7,3</i>	
14	2122100027	Đinh Thị Kiều Lan	18/02/2004	CCQ2210A		<i>Lan</i>	8,7	<i>8,5</i>	<i>8,6</i>	
15	2122210060	Nguyễn Văn Lập	01/10/2003	CCQ2221B	<i>22/0</i>	<i>Lan</i>	6,5	<i>4,7</i>	<i>5,4</i>	
16	2122100272	Nguyễn Thanh Long	12/12/2004	CCQ2210H		<i>Long</i>	7,7	<i>6,9</i>	<i>7,2</i>	
17	2122210026	Nguyễn Thân Kiều My	16/01/2004	CCQ2221A		<i>My</i>	6,2	<i>3,5</i>	<i>4,6</i>	
18	2122210046	Nguyễn Thị My	27/09/2004	CCQ2221B		<i>My</i>	7,3	<i>5,8</i>	<i>6,4</i>	
19	2122170006	Ngô Hoài Nam	09/01/2003	CCQ2217A		<i>Nam</i>	3,5	<i>1,8</i>	<i>2,5</i>	
20	2122200063	Huỳnh Thị Quỳnh Nga	22/12/2004	CCQ2220B		<i>Quynh</i>	7,1	<i>3,7</i>	<i>5,1</i>	
21	2122100031	Nguyễn Thị Thanh Ngân	14/04/2004	CCQ2210A		<i>Ngan</i>	8,3	<i>8,3</i>	<i>8,3</i>	
22	2122120460	Quách Hồng Nghĩa	21/06/2004	CCQ2212N		<i>Ngan</i>	9,6	<i>9,2</i>	<i>9,4</i>	
23	2122120246	Nguyễn Thị Ý Nhi	12/12/2004	CCQ2212H			0,0			
24	2122210013	Lê Thị Huỳnh Nhung	24/03/2004	CCQ2221A		<i>Nhung</i>	6,3	<i>5,4</i>	<i>5,8</i>	
25	2122100378	Nguyễn Thị Hồng Nhung	27/05/2004	CCQ2210K		<i>Nhung</i>	9,0	<i>6,3</i>	<i>7,4</i>	
26	2121170396	Huỳnh Thiệu Phúc	08/12/2003	CCQ2117L		<i>Phuc</i>	6,6	<i>0</i>	<i>2,6</i>	
27	2122100405	Nguyễn Trần Hoài Phương	05/08/2004	CCQ2210K		<i>Phu</i>	8,7	<i>8,1</i>	<i>8,3</i>	
28	2122100395	Thị Phương	05/02/2004	CCQ2210K		<i>Phuong</i>	5,0	<i>7,0</i>	<i>6,2</i>	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Thị Linh* Cán bộ coi thi 2: *Nguyễn Thị Văn* G. Viên chấm thi 1: *C. Lê Thảo* Viên chấm thi 2: *Nguyễn Thị Văn*

Môn học: Anh văn 3 (22401620)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: *48*

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Phụ	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122200027	Cao Thị Bích	Phượng	29/05/2004	CCQ2220A		<i>Bích</i>	8,4	65	7,3	
30	2122100327	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	01/05/2004	CCQ2210D		<i>Quỳnh</i>	9,6	95	9,5	
31	2122100069	Trương Thị Như	Quỳnh	08/01/2001	CCQ2210B		<i>Trương</i>	7,9	51	6,2	
32	2121180037	Đặng Thanh	Son	06/02/2003	CCQ2118B		<i>Son</i>	5,6	20	2,2	
33	2122100035	Nguyễn Thị Thu	Thảo	24/04/2004	CCQ2210A		<i>Thảo</i>	8,0	80	8,0	
34	2122210128	Trần Lê Quốc	Thịnh	11/02/2004	CCQ2221D		<i>Thịnh</i>	7,2	41	5,3	
35	2122100068	Nguyễn Thị Hoàng	Thơ	29/04/2004	CCQ2210B		<i>Thơ</i>	8,9	86	8,7	
36	2122190022	Tạ Thị Thành	Thơ	01/10/2004	CCQ2219A		<i>Thơ</i>	6,6	40	5,0	
37	2122100055	Trần Kim	Thoa	12/11/2003	CCQ2210B		<i>Thoa</i>	8,6	88	8,7	
38	2122200061	Lê Thị Minh	Thư	06/09/2004	CCQ2220B		<i>Thư</i>	7,9	41	5,6	
39	2122190091	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	03/06/2004	CCQ2219C		<i>Thư</i>	6,6	43	5,2	
40	2122100137	Nguyễn Thị Minh	Thư	18/02/2004	CCQ2210D		<i>Thư</i>	9,2	89	9,0	
41	2122120408	Phạm Minh	Thư	12/05/2004	CCQ2212L		<i>Thư</i>	8,4	79	8,1	
42	2122210067	Trần Thị Nghi	Thường	20/11/2004	CCQ2221B		<i>Thường</i>	6,9	59	6,3	
43	2122100025	Lâm Bảo	Trân	26/11/2004	CCQ2210A		<i>Trân</i>	7,4	60	6,6	
44	2122170021	Lưu Nguyễn Trung	Trí	29/03/2004	CCQ2217A		<i>Trí</i>	6,2	61	6,1	
45	2122210047	Phan Nguyễn Thanh	Trình	21/10/2004	CCQ2221E		<i>Trình</i>	6,5	54	5,8	
46	2122120386	Võ Thị Tú	Trình	13/01/2004	CCQ2212L		<i>Trình</i>	8,0	43	5,8	
47	2122210029	Nguyễn Mạnh	Trường	20/09/2004	CCQ2221E		<i>Trường</i>	7,2	40	5,3	
48	2122170018	Huỳnh Ngọc Anh	Vũ	24/11/2004	CCQ2217A		<i>Vũ</i>	6,9	74	7,2	
49	2122100010	Nguyễn Thị Kiều	Xuân	23/03/2003	CCQ2210A		<i>Xuân</i>	8,7	77	8,1	
50	2122200038	Lê Thị Như	Ý	26/10/2004	CCQ2220B		<i>Ý</i>	8,1	82	8,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

A: 41
H: 2

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

105
T.Thuận

Môn học: Anh văn 3 (22401622)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 43

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

H.T.Keat H.T.T.Hoa H.T.Nguy H.T.T.Hoa

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122170112	Trần Tấn An	25/03/2004	CCQ2217C		An	8,1	7,7	7,9	
2	2122260138	Trần Trương An	12/06/2004	CCQ2226D		An	9,2	5,8	7,2	
3	2120200244	Nguyễn Ngọc Tường Ân	15/07/2002	CCQ2020H			0,0			
4	2122190138	Đào Thị Ngọc Ánh	01/03/2004	CCQ2219C		Anh	7,6	4,1	5,5	
5	2122110042	Mai Hoàng Bảo	07/03/2004	CCQ2211B		Bao	9,1	6,4	7,5	
6	2122110073	Nguyễn Trọng Bảo	14/03/2004	CCQ2211B		Bao	7,8	6,7	7,1	
7	2122170123	Trần Quốc Bảo	09/08/2004	CCQ2217C		Bao	9,4	7,5	8,3	
8	2122110065	Trần Thanh Bảo	16/02/2004	CCQ2211B		Ba	8,3	6,4	7,2	
9	2122270067	Nguyễn Thị Diễm	01/07/2004	CCQ2227C		Diem	6,6	6,5	6,5	
10	2122170115	Ngô Đăng Đông	24/08/2004	CCQ2217C		Đăng	8,7	4,8	6,4	
11	2121140019	Nguyễn Thế Du	03/04/2003	CCQ2114A		Duc	6,6	5,0	5,6	
12	2122170155	Nguyễn Vũ Hồng Dương	22/10/2004	CCQ2217D		Duc	6,7	5,4	5,9	
13	2122170095	Trần Thanh Duy	23/11/2004	CCQ2217C		Duc	7,7	6,6	7,0	
14	2122120191	Đặng Thị Mỹ Duyên	23/10/2004	CCQ2212F		Duyen	8,0	5,7	6,6	
15	2122170100	Nguyễn Xuân Giang	02/08/2004	CCQ2217C		Ga	7,7	7,7	7,7	
16	2122270091	Phan Ngọc Quỳnh Giang	12/08/2004	CCQ2227C		Giang	8,1	6,5	7,1	
17	2122170087	Trần Minh Hải	29/07/2004	CCQ2217C			0,0			
18	2122170113	Chau Minh Huy	26/08/2004	CCQ2217C		Hu	7,3	7,6	7,5	
19	2122030106	Nguyễn Đức Kha	21/11/2004	CCQ2203D		Kha	8,6	7,3	7,8	
20	2122170105	Phạm Văn Khánh	10/07/2004	CCQ2217C		Khánh	8,4	7,8	8,0	
21	2121140015	Phạm Minh Khôi	05/11/2003	CCQ2114A		Khoy	5,8	2,7	3,9	
22	2122190162	Châu Nữ Yến Ly	30/08/2004	CCQ2219D		Yenly	7,8	7,2	7,4	
23	2122110014	Trần Ngọc Mạnh	05/03/1997	CCQ2211A		Mah	6,7	8,0	7,5	
24	2122170085	Huỳnh Nhựt Minh	12/11/2003	CCQ2217C		Minh	9,3	5,1	6,8	
25	2122270031	Thạch Thảo My	09/09/2004	CCQ2212P		My	3,6	6,4	5,3	
26	2122170150	Nguyễn Văn Nam	20/06/2003	CCQ2217D		Nam	7,6	4,3	5,6	
27	2122170114	Trần Quốc Nghĩa	19/09/2004	CCQ2217C		Nghia	6,2	4,7	5,3	
28	2122270081	Trương Thị Thu Ngọc	07/04/2004	CCQ2227C		Ngoc	9,3	7,4	8,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

105

T. Thuận

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401622)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2120210024	Châu Phương Nhung	07/05/2002	CCQ2021A			0,0			
30	2121120090	Nguyễn Thị Kim Oanh	26/12/2002	CCQ2112C		Due	6,6	6,8	6,7	
31	2121210051	Hà Nhật Quang	21/08/2003	CCQ2121D		Bunny	8,0	4,9	6,1	
32	2123300134	Vũ Thanh Sang	10/11/2003	CCQ2330D		Sang	8,0	8,4	8,2	
33	2121140011	Nguyễn Thanh Sơn	08/01/2003	CCQ2114A		S	7,0	3,1	4,7	
34	2122210095	Quách Thanh Thanh	19/05/2004	CCQ2221C		Thao	7,9	6,6	7,1	
35	2122170093	Phan Văn Thành	25/06/2003	CCQ2217C		Thao	7,5	5,5	6,3	
36	2122120371	Đỗ Nguyễn Ngọc Thiện	08/07/2004	CCQ2212K		Thao	9,1	7,5	8,1	
37	2122170131	Trương Huy Thịnh	14/10/2004	CCQ2217D		Thao	9,5	3,2	5,7	
38	2122210063	Nguyễn Võ Minh Thư	12/04/2004	CCQ2221B		Thao	9,1	9,0	9,0	
39	2122110052	Lê Đan Thuần	27/09/2004	CCQ2211B		Thao	9,5	8,1	8,7	
40	2122190072	Châu Nữ Thùy Trang	14/02/2004	CCQ2219C		Thao	8,4	7,2	7,7	
41	2122270077	Võ Trần Thị Trang	09/01/2004	CCQ2227C		Thao	9,8	7,6	8,5	
42	2122270019	Trần Minh Trí	19/02/2004	CCQ2227A			0,0			
43	2122210189	Nguyễn Quỳnh Thanh Trúc	09/06/2004	CCQ2221F			8,2	3,1	5,1	
44	2121140016	Đỗ Minh Trường	06/05/2003	CCQ2114A			6,4	5,0	5,6	
45	2122210056	Võ Ngọc Tùng	17/12/2004	CCQ2221E			9,5	8,2	8,7	
46	2121260119	Nguyễn Duy Tường	19/06/2001	CCQ2126D			7,1	7,8	7,5	
47	2122210071	Phạm Cẩm Tuyên	12/01/2004	CCQ2221E			8,8	8,5	8,6	

Học kỳ 2 (2023-2024)

D. 35
H. 07

C. Ther

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Số SV có mặt: 42

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

Phòng thi: D5-28

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122170379	Nguyễn Chấn	Bằng	02/08/2004	CCQ2217J		7,1	4,5	5,5	
2	2121170006	Nguyễn Hải	Bằng	25/12/2003	CCQ2117A		5,5	1,5	3,1	
3	2121230004	Nguyễn Thế	Bảo	27/01/2003	CCQ2123A		7,9	4,7	6,0	
4	2122100033	Phan Nghi	Bình	21/03/2004	CCQ2210A		9,1	7,6	8,2	
5	2122100024	Nguyễn Thị Mai	Chi	15/12/2003	CCQ2210A		7,3	2,6	4,5	
6	2121230008	Nguyễn Cao	Cường	05/07/2003	CCQ2123A		9,2	7,9	8,4	
7	2121170249	Nguyễn Thành	Đạt	09/03/2003	CCQ2117H		5,2	4,9	5,0	
8	2121230015	Trần Đình	Diệu	07/05/2003	CCQ2123A		8,7	6,0	7,1	
9	2121170536	Phạm Minh	Đức	01/06/2003	CCQ2117P		7,6	4,2	5,6	
10	2122050128	Nguyễn Xuân	Dương	01/01/2004	CCQ2205D		6,4	0,7	3,0	
11	2122170401	Lê Bùi Nhật	Duy	19/08/2004	CCQ2217J		8,1	4,4	5,9	
12	2122100148	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	02/06/2004	CCQ2210E		9,1	6,7	7,7	
13	2122100009	Nguyễn Ngọc	Hạnh	17/05/2003	CCQ2210A		9,4	7,6	8,3	
14	2121100072	Trần Thị Hồng	Hoa	16/01/2003	CCQ2110C		0,0		0,0	
15	2122030243	Nguyễn	Hung	23/03/2004	CCQ2203D		4,0		0,0	
16	2121170218	Hà Quốc	Huy	09/05/2003	CCQ2117G		1,7	6,3	0,0	
17	2122120117	Nguyễn Quốc	Huy	29/07/2004	CCQ2212D		9,2	6,3	7,5	
18	2121170549	Phan Gia	Huy	31/01/2003	CCQ2117P		5,5	1,5	3,1	
19	2121170034	Nguyễn Duy	Kiên	20/09/2003	CCQ2117A		8,3	8,1	8,2	
20	2122270035	Đào Thị	Lệ	19/04/2004	CCQ2227B		8,5	4,5	6,1	
21	2121230002	Đinh Hoàng	Luân	10/03/2003	CCQ2123A		6,0	1,3	3,2	
22	2121170381	Đỗ Tấn Hoàng	Minh	27/08/2003	CCQ2117K		5,5		2,2	
23	2122260080	Nông Thị Ánh	Ngọc	01/02/2004	CCQ2226C		6,9	4,1	5,2	
24	2122030124	Nguyễn Đình	Nhất	19/01/2004	CCQ2203D		2,5		1,0	
25	2122100381	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	25/03/2004	CCQ2210A		8,2	4,4	5,9	
26	2122120130	Dương Thái	Phong	06/10/2004	CCQ2212D		9,3	6,8	7,8	
27	2121170362	Phan Minh	Quân	02/06/2003	CCQ2117K		5,5		2,2	
28	2121170531	Trần Huyền	Quốc	16/02/2003	CCQ2117P		7,4	5,9	6,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

106

C.Thu

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401611)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 42

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122120537	Nguyễn Hoàng Phương	Quyên	20/10/2004	CCQ22120		9,6	9,3	94	
30	2121170539	Hà Đức	Quyên	04/02/2003	CCQ2117P		0,0		00	
31	2121170259	Dư Tiến	Sỹ	02/03/2003	CCQ2117H		5,7	5,1	53	
32	2122260106	Trần Văn	Tài	05/03/2004	CCQ2226D		8,5	8,7	86	
33	2122100317	Hoàng Tuyết	Thanh	14/02/2004	CCQ2210A		9,5	7,7	84	
34	2122260086	Huỳnh Ngọc Bích	Thảo	15/02/2004	CCQ2226C		8,4	8,0	82	
35	2122120082	Bình Từ	Thiện	06/02/2004	CCQ2212C		7,4	1,5	39	
36	2122100030	Võ Thị	Thơ	12/02/2004	CCQ2210A		9,0	7,4	80	
37	2122270043	Võ Mỹ	Thuận	17/10/2004	CCQ2227B		8,3	4,9	63	
38	2122100065	Đặng Hoài	Thương	01/11/2004	CCQ2210B		8,7	5,3	67	
39	2122100020	Bạch Lê Như	Thùy	22/08/2003	CCQ2210A		9,1	6,4	75	
40	2122100390	Tổng Phương	Thùy	18/07/2004	CCQ2210K		8,7	7,8	82	
41	2122120539	Nguyễn Thị Bích	Thuyền	04/04/2004	CCQ22120		9,5	9,2	93	
42	2122210107	Phan Thị Quỳnh	Trang	29/10/2004	CCQ2221F		7,9	5,3	63	
43	2121170556	Phùng Văn	Trọng	20/06/2003	CCQ2117P		7,5	3,8	53	
44	2121170237	Nguyễn Đức	Trường	09/10/2000	CCQ2117G		6,6	7,3	70	
45	2121170528	Phạm Anh	Tuấn	12/04/2003	CCQ2117P		5,7	00	23	
46	2122170374	Phạm Anh	Tuấn	05/07/2004	CCQ2217J		6,7	4,5	54	
47	2121170030	Đỗ Nguyên	Tùng	14/02/2002	CCQ2117A		7,6	4,6	58	
48	2122170061	Nguyễn Tường	Vĩ	20/08/2004	CCQ2227E		7,0	8,5	79	
49	2121230011	Võ Quốc	Việt	03/08/2002	CCQ2123A		7,4	7,0	72	
50	2121170692	Nguyễn Minh	Vũ	14/06/2002	CCQ2117G		2,6		10	

107

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

A: 49
R: 02

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401606)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 51

Số bài thi: 5

Số tờ giấy thi: 5

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122190067	Ngô Nguyễn Hoàng Ân	12/08/2003	CCQ2219B			6,5	5,4	58	
2	2122200107	Phạm Thị Quỳnh Anh	22/11/2004	CCQ2220D			0,0	CT		
3	2122170315	Lương Văn Bình	24/11/2004	CCQ2217H			7,1	7,5	7,3	
4	2122030012	Hà Văn Cường	21/08/2004	CCQ2203A			7,6	7,9	7,8	
5	2122110167	Hoàng Trương Mạnh Cường	17/07/2004	CCQ2211E			7,4	7,8	7,6	
6	2122030208	Phan Xuân Đức	25/07/2004	CCQ2203D			7,8	8,0	7,9	
7	2122030121	Nguyễn Duy	28/09/2004	CCQ2203D			8,0	8,5	8,3	
8	2122170026	Nguyễn Lưu Khánh Duy	08/08/2004	CCQ2217A			7,4	8,1	7,8	
9	2122100172	Nguyễn Hồng Gấm	09/10/2004	CCQ2210E			7,1	5,8	6,3	
10	2122030116	Trần Tiên Giang	30/01/2004	CCQ2203D			6,8	6,8	6,8	
11	2122240051	Nguyễn Mỹ Hạnh	02/08/2004	CCQ2220F			7,1	8,0	7,6	
12	2122030122	Đỗ Trung Hậu	20/11/2004	CCQ2203D			7,1	8,3	7,8	
13	2122100169	Hồ Thị Hiền	22/02/2004	CCQ2210E			7,2	8,7	8,1	
14	2122190055	Nguyễn Thanh Hùng	19/10/2001	CCQ2219B			9,1	8,6	8,8	
15	2122170661	Uông Đông Hưng	08/03/2001	CCQ2217Q			0,0	CT		
16	2122100149	Đặng Thị Thu Hương	16/06/2004	CCQ2210E			6,7	6,5	6,6	
17	2122100006	Phạm Thanh Huyền	05/11/2000	CCQ2210A			7,6	8,4	8,1	
18	2122110113	Hồ Nhật Khiêm	20/07/2004	CCQ2211C			7,0	4,4	5,4	
19	2122200003	Tô Thị Mỹ Linh	18/09/2003	CCQ2220A			7,6	5,8	6,5	
20	2122100189	Đặng Thị Thanh Loan	09/09/1999	CCQ2210F			8,0	8,5	8,3	
21	2121170344	Nguyễn Phúc Lộc	04/08/2003	CCQ2117J			6,0	6,9	6,5	
22	2122030177	Trần Phước Lộc	26/03/2004	CCQ2203F			8,2	8,5	8,4	
23	2122100361	Nguyễn Lê Hương Mai	04/10/2004	CCQ2210J			7,8	7,8	7,8	
24	2121110185	Nguyễn Tiến Mười	12/07/2003	CCQ2111F			6,8	7,3	7,1	
25	2122030188	Nguyễn Thành Nhất	13/03/2004	CCQ2203F			6,5	5,6	6,0	
26	2122050031	Đào Minh Nhật	31/01/2004	CCQ2205A			6,5	8,0	7,4	
27	2122100152	Phạm Thị Quỳnh Như	21/03/2004	CCQ2210E			6,1	4,9	5,4	
28	2122120286	Dương Thanh Phát	30/07/2004	CCQ2212I			6,0	5,1	5,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401606)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 51

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Điểm thi (60%)	Đ.QT (40%)	Chữ ký SV	Điểm HP	Ghi chú
29	2122190049	Nguyễn Hà Phương	13/01/2002	CCQ2219B		6.6	8,3	Phu	7.3	7.3
30	2122060001	Lê Vinh	20/01/2000	CCQ2206A		8.3	7,2	Quang	7.9	
31	2122200041	Trần Thị Sen	30/10/2004	CCQ2220B		7.9	8,1	Sen	8.0	
32	2122030003	Trần Tấn Tài	08/11/2003	CCQ2203G		5.7	7,2	Tai	6.3	
33	2122120414	Hoàng Văn Tâm	19/08/2004	CCQ2212M		1.5	7,1	Tam	3.7	HL
34	2122110097	Lê Vinh Thân	01/01/2004	CCQ2211C			0,0	CT		
35	2122170312	Võ Châu Thân	05/05/2004	CCQ2217H		5.2	7,0	Thân	5.9	
36	2122100193	Đỗ Thị Phương Thanh	05/12/2004	CCQ2210F		6.1	7,1	Thanh	6.5	
37	2122100154	Đào Quang Phương Thảo	09/07/1997	CCQ2210E		9.0	8,5	Thao	8.8	
38	2122100370	Nguyễn Thị Kim Thảo	27/06/2004	CCQ2210J		6.5	7,4	Thao	6.9	
39	2122140013	Tô Minh Thi	04/02/2004	CCQ2214A		6.2	6,6	Thi	6.4	
40	2122120185	Ung Thị Kim Thùy	12/06/2004	CCQ2212F		8.6	7,8	Thuy	8.3	
41	2122100066	Nguyễn Thanh Thùy	18/04/2004	CCQ2210B		6.3	6,8	Thuy	6.5	
42	2122100181	Lê Thị Cẩm Tiên	09/11/2004	CCQ2210F		7.9	7,6	Tien	7.8	
43	2121170369	Lê Dương Tiến	04/02/2003	CCQ2117K		4.3	6,0	Tien	5.0	
44	2122100205	Chu Thị Trang	03/02/2004	CCQ2210F		4.3	7,3	Trang	5.5	
45	2122100048	Huỳnh Thị Ngọc Trúc	14/01/2004	CCQ2210B		7.9	7,5	Truc	7.7	
46	2122190001	Nguyễn Thị Thanh Trúc	03/11/2003	CCQ2219A		9.0	7,7	Truc	8.5	
47	2122200013	Trần Thị Kim Trúc	28/10/2004	CCQ2220A		7.7	8,0	Truc	7.8	
48	2122110046	Võ Thành Trung	14/04/2004	CCQ2211B		3.3	7,0	Truc	4.8	HL
49	2122110096	Nguyễn Thanh Tú	26/06/2004	CCQ2211C		7.7	7,8	Tu	7.7	
50	2122170267	Phan Văn Tú	23/03/2004	CCQ2217G		7.1	6,6	Tu	6.9	
51	2121170375	Nguyễn Anh Tuấn	05/09/2003	CCQ2117K		6.0	7,0	Tu	6.4	
52	2122190004	Nguyễn Lâm Vũ	03/08/2004	CCQ2219A		7.0	8,0	Vu	7.4	
53	2122170028	Trần Thanh Xuân	02/03/2004	CCQ2217A		8.5	7,1	Xuan	7.9	
54	2122200127	Nguyễn Thị Như Ý	02/10/2004	CCQ2220D		8.2	8,0	Nhu	8.1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

108

C. Lê Thảo

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401607)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 46

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121030026	Nguyễn Văn Bắc	31/01/2003	CCQ2103A			8,9	8.0	8,4	
2	2121170074	Nguyễn Gia Bảo	14/10/2003	CCQ2117C			5,9	5.0	5,4	
3	2121170091	Lê Chí Cơ	03/03/2003	CCQ2117C			5,0	3.5	4,1	
4	2122030191	Mai Tiến Đạt	23/03/2004	CCQ2203F			7,9	6.7	7,2	
5	2121170100	Mai Trọng Đạt	12/02/2003	CCQ2117C			2,2			
6	2121030014	Trần Lê Hoàng Đức	02/03/2003	CCQ2103A			5,7	5.3	5,5	
7	2122200058	Đoàn Thị Thùy Dương	30/10/2002	CCQ2220B			8,5	6.5	7,3	
8	2121170115	Nguyễn Xuân Hải	28/02/2003	CCQ2117D			2,4			
9	2121030002	Nguyễn Trường Duy	24/05/2003	CCQ2103A			6,9	7.9	7,5	
10	2123260001	Phạm Thị Thanh Hằng	07/07/1998	CCQ2326A			8,0	7.1	7,5	
11	2121180107	Dương Vinh Hào	30/04/2003	CCQ2118C			7,4	8.0	7,8	
12	2121170120	Hồ Văn Hào	10/12/2002	CCQ2117D			3,7			
13	2122210072	Trần Thị Thu Hiền	02/02/2004	CCQ2221B			7,9	4.9	6,1	
14	2121170126	Đỗ Trung Hiếu	10/05/2003	CCQ2117D			7,3			
15	2121060032	Nguyễn Hoàng Huân	17/09/2002	CCQ2106A			6,5	6.6	6,6	
16	2121210086	Giang Thành Hùng	25/10/2002	CCQ2121D			5,5	4.5	5,0	
17	2119230004	Phùng Thế Hùng	17/05/2001	CCQ1923A			7,1	7.6	7,4	
18	2121170250	Đặng Quốc Huy	07/10/2003	CCQ2117H			1,2			
19	2121030023	Ngô Cẩm Huy	25/10/2003	CCQ2103A			7,1	8.0	7,6	
20	2121170364	Nguyễn Đức Huy	24/12/2003	CCQ2117K			0,0			
21	2121030030	Nguyễn Tấn Khả	01/10/2003	CCQ2103A			7,0	4.2	5,3	
22	2121030049	Phạm Khải	05/03/2003	CCQ2103B			6,2	6.8	6,6	
23	2121030043	Lê Bảo Kiên	17/08/2003	CCQ2103B			6,7	5.4	5,9	
24	2121100024	Đinh Bảo Kỳ	13/12/2003	CCQ2110A			5,0	4.0	4,4	
25	2121200143	Nguyễn Đăng Lưu	17/01/2003	CCQ2120E			3,3			
26	2121030034	Võ Văn Mãi	08/02/2003	CCQ2103A			4,1	0.0	1,6	
27	2122120026	Châu Thị Quỳnh Nga	13/02/2004	CCQ2212A			8,4	6.2	7,4	
28	2122120041	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	22/12/2004	CCQ2212B			8,4	6.5	7,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

108

C. Lê Thảo

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401607)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2121270064	Phạm Thị Kim Ngân	20/03/2003	CCQ2127B		Ngân	6,8	3.0	4,5	-
30	2121170390	Trần Xuân Nhuận	30/08/2003	CCQ2117L		Nhuận	5,3	6.3	5,9	
31	2121200073	Cù Thị Kim Nhung	06/08/2003	CCQ2120C		Nhung	6,0	6.3	6,2	
32	2121180003	Đặng Minh Nhựt	22/05/2002	CCQ2118A		Nhật	3,5	0.0	1,4	-
33	2121200216	Nguyễn Thanh Phi	05/03/2002	CCQ2120D		Phi	7,3	7.3	7,3	
34	2121170130	Trần Thành Quang	02/11/2003	CCQ2117D			2,6			
35	2121030153	Lâm Quang Quý	23/03/2003	CCQ2103B		Quý	6,0	5.3	5,6	
36	2121030045	Lê Văn Sỹ	30/12/2003	CCQ2103B		Sỹ	6,7	5.7	6,1	
37	2121200128	Nguyễn Văn Tài	21/09/2003	CCQ2120D		Tài	6,7	6.0	6,3	
38	2122210129	Nguyễn Văn Phương Thảo	29/03/2004	CCQ2221E		Thảo	8,9	8.2	8,5	
39	2121050026	Phạm Minh Thông	03/10/2003	CCQ2105A		Thông	8,5	7.8	8,1	
40	2122210122	Phan Thị Anh Thư	24/04/2003	CCQ2221E		Thư	8,4	5.4	6,6	
41	2121050015	Nguyễn Minh Tiến	18/06/2003	CCQ2105A		Tiến	7,6	5.1	6,1	
42	2121100001	Bùi Ngọc Tính	11/06/2003	CCQ2110A		Tính	6,6	6.8	6,7	
43	2122100399	Đặng Thị Hương Trà	23/04/2004	CCQ2210K		Trà	6,9	2.5	4,3	-
44	2121140017	Lê Hoàng Triều	08/08/2002	CCQ2114A			0,0			
45	2121030027	Huỳnh Hữu Trọng	07/01/2003	CCQ2103A		Trọng	5,5	3.8	4,5	-
46	2121180029	Nguyễn Minh Trọng	09/10/2003	CCQ2118A		Trọng	5,0	0.0	2,0	-
47	2121180001	Đỗ Đan Trường	18/08/2003	CCQ2118A		Trường	6,2	5.8	6,0	
48	2122170119	Nguyễn Châu Tuấn	14/05/2004	CCQ2226D		Tuấn	8,4	7.9	8,1	
49	2122060035	Nguyễn Huy Tuấn	01/01/2004	CCQ2206A		Tuấn	7,6	3.7	5,3	
50	2123200511	Đoàn Ngọc Tươi	21/04/2004	CCQ2320F		Tươi	6,8	8.0	7,5	
51	2122120020	Phạm Ngọc Tú Văn	11/04/2004	CCQ2212A		Văn	6,6	5.0	5,6	
52	2121140007	Đỗ Tiến Vĩ	03/06/2003	CCQ2114A		Vĩ	4,4	1.0	2,4	-
53	2121030052	Nguyễn Thế Vinh	30/04/2003	CCQ2103B		Vinh	6,5	5.9	6,1	
54	2121030058	Phạm Phước Vinh	27/10/2003	CCQ2103B		Vinh	6,5	4.9	5,5	
55	2121050024	Hồ Thanh Xuân	25/01/2003	CCQ2105A		Xuân	5,2	3.5	4,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

A: 40
H. 2

109
T. Thuận

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi G.Viên chấm thi 2

Trần T. Ai Hương

Nguyễn Thị Phương Linh

Nguyễn Thị Phương Linh

Trần T. Ai Hương

Môn học: Anh văn 3 (22401603)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: ...

Số tờ giấy thi: ...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122030183	Nguyễn Công	Chương	05/12/2004	CCQ2203F		7,9	8,0	8,0	
2	2121110290	Lê Tấn	Cường	27/06/2003	CCQ2111I		9,2	7,4	8,1	
3	2121210073	Phạm Thủy	Diệp	01/01/2003	CCQ2121C		7,3	7,0	7,1	
4	2121270034	Cao Tiến	Dự	20/11/2002	CCQ2127A		5,7	7,1	6,5	
5	2122210054	Đỗ Nguyễn Tuấn	Duy	29/09/2004	CCQ2221B		9,0	7,3	8,0	
6	2121100261	Nguyễn Thị	Gấm	14/09/2002	CCQ2110H		7,7	7,1	7,3	
7	2121110095	Nguyễn Xuân	Hạ	13/08/2003	CCQ2111C		7,6	5,1	6,1	
8	2121170119	Lê Nguyễn Công	Hậu	19/02/2003	CCQ2117D		5,6	6,0	5,8	
9	2121270048	Nguyễn Phúc	Hiệp	01/10/2003	CCQ2127B		0,0			
10	2121110308	Nguyễn Trần Tiến	Hiệp	26/12/2003	CCQ2111I		9,9	8,0	8,8	
11	2121270063	Huỳnh Trung	Hiếu	21/02/2003	CCQ2127B		7,3	3,7	5,1	
12	2121170502	Võ Lê	Hoàng	13/05/2003	CCQ2117O		8,9	6,7	7,6	
13	2121110304	Bùi Ngọc	Hội	29/01/2003	CCQ2111I		8,4	7,4	7,8	
14	2121030108	Nguyễn Văn Đức	Huy	15/07/2003	CCQ2103D		8,1	7,1	7,5	
15	2121170558	Phạm Quốc	Khánh	01/02/2003	CCQ2117P		7,2	7,8	7,6	
16	2122210024	Phạm Thị Mỹ	Linh	03/05/2004	CCQ2221E		4,6	5,8	5,3	
17	2121110285	Nguyễn Anh	Long	31/05/2003	CCQ2111I		8,4	7,4	7,8	
18	2120170541	Nguyễn Thành	Long	13/10/2002	CCQ2017P		0,0			
19	2119030049	Võ Minh	Luân	17/03/2001	CCQ1903B		0,0			
20	2121260061	Trần Lê Cẩm	Ly	31/05/2003	CCQ2126B		6,0	5,0	5,4	
21	2121050065	Trịnh Văn	Minh	17/10/2003	CCQ2105B		5,6	5,1	5,3	
22	2122110067	Đặng Thị Tố	My	17/10/2002	CCQ2211B		9,4	8,1	8,6	
23	2121172015	Phùng Minh	Mỹ	31/03/2003	CCQ2117LA		3,4	3,2	3,3	
24	2121100170	Bùi Bích	Na	10/12/2003	CCQ2110E		5,3	4,8	5,0	
25	2122210061	Lê Thị Phương	Nam	23/01/2004	CCQ2221B		9,4	8,3	8,7	
26	2121050076	Nguyễn Hoài	Nam	10/07/2003	CCQ2105B		6,3	5,9	6,1	
27	2121210097	Trần Văn	Nam	21/07/2003	CCQ2121C		9,3	8,2	8,6	
28	2122210058	Nguyễn Thị Kim	Nguyễn	17/10/2004	CCQ2221B		8,4	8,5	8,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 3 (22401603)

Ngày thi: 04/07/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 42

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

109

T. Thuận

Trần T. H. Hùng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2121170414	Lê Thanh Phong	04/03/2003	CCQ2117L			0,0			
30	2121060026	Nguyễn Xuân Phú	10/08/2003	CCQ2105A		Phu	5,9	4,4	5,0	
31	2122210052	Lê Thanh Quân	12/05/2004	CCQ2221B		ThanhQuynh	9,4	6,8	8,7	
32	2121170518	Ngô Quốc Qui	02/07/2003	CCQ2117O			0,0			
33	2121270123	Lê Phú Quý	03/05/2003	CCQ2112R		Quynh	7,8	6,1	6,1	
34	2122100004	Lê Thị Như Quỳnh	29/10/2003	CCQ2210A		Quynh	8,4	7,0	8,6	
35	2122210076	Mai Như Quỳnh	27/02/2004	CCQ2221B		Quynh	7,9	7,4	8,5	
36	2121170415	Hồ Thiên Tài	16/11/2003	CCQ2117L			0,0			
37	2121180040	Lê Trung Tài	29/04/2003	CCQ2118B		Tai	7,0	6,8	6,9	
38	2121050054	Đặng Đức Tân	17/06/2003	CCQ2105B		Tan	6,2	5,3	5,7	
39	2121170500	Trần Ngọc Duy Tân	19/01/2003	CCQ2117O		Tan	6,6	6,3	6,4	
40	2121170474	Trần Hữu Thắng	11/11/2003	CCQ2117N			0,0			
41	2121050028	Nguyễn Sỹ Thiện	13/02/2002	CCQ2105A		Thien	8,0	3,4	5,2	
42	2122120480	Nguyễn Thị Huyền Thương	17/03/2004	CCQ2212B		Thuong	9,7	7,4	8,3	
43	2121170411	Nguyễn Huỳnh Diễn Tín	10/10/2003	CCQ2117L			0,0			
44	2121170544	Đoàn Xuân Toàn	02/11/2001	CCQ2117P			0,0			
45	2122210012	Phạm Thị Ngọc Trâm	14/10/2004	CCQ2221E		Tram	8,9	7,1	7,8	
46	2120110241	Trần Hữu Trí	13/05/2002	CCQ2011G			0,0			
47	2121050016	Trương Thanh Triều	06/10/2001	CCQ2105A		Triu	5,1	7,3	6,4	
48	2120110322	Đoàn Đỗ Minh Trung	01/07/2002	CCQ2011J		Trung	8,9	6,8	7,6	
49	2121030008	Nguyễn Văn Trung	05/06/2003	CCQ2103A		Trung	5,0	3,3	4,0	
50	2121170413	Lê Anh Tuấn	01/04/2003	CCQ2117L			0,0			
51	2121170507	Nguyễn Thanh Tuấn	12/09/2003	CCQ2117O		Tuan	7,9	6,7	7,2	
52	2121210045	Nguyễn Bùi Thái Uyên	11/11/2003	CCQ2121B		Thay	7,7	4,4	5,7	
53	2121050017	Lê Hồng Việt	27/09/2003	CCQ2105A		Vi	8,5	6,6	7,4	
54	2121170406	Trần Hữu Vinh	25/01/2003	CCQ2117L			0,0			
55	2121172027	Trần Văn Vũ	20/05/2002	CCQ2117LA			0,0			